

Bản án số: **41/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày: 14/3/2022.

V/v Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Lý Minh Hùng**.

+ Ông **Trần Thanh Tùng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiển** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 437/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Phan Văn V**, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Chị **Phạm Thị Huỳnh N**, sinh năm: 1996 (có mặt).

ĐKKHKT: Ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã M, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn V trình bày:

- Anh với chị Phạm Thị Huỳnh N cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2021 thì P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra sung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Như.

- Về con chung: Anh chị có ba con chung tên Phan Thúy A, sinh ngày 31/3/2017; Phan Tuấn K, sinh ngày 20/6/2018 và Phan Gia P, sinh ngày 17/8/2020. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay anh V trình bày do 02 con chung tên K và P còn nhỏ, nên anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con chung. Còn con chung tên An nay đã lớn đến tuổi đi học nhưng chị N không cho đi học nên anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên An để cho cháu đi học như bao trẻ khác. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con do anh trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phần trình bày của bị đơn:

Chị Phạm Thị Huỳnh N trình bày: Việc cưới nhau, chung sống và con chung như anh V trình bày là đúng.

- Về tình cảm: Anh V xin ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung như anh V khai, khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung. Yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Anh V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của anh với chị Phạm Thị Huỳnh N, chị N có địa chỉ tại ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Anh V và chị N cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì P sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Theo anh V khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên P sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh V không còn tình cảm với chị N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

- Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị Huỳnh N cũng đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của anh V. Nhận thấy anh V và chị N thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự

nguyện thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp quy định tại Điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị khai thống nhất là anh chị có 3 người con chung tên Phan Thúy A, sinh ngày 31/3/2017; Phan Tuấn K, sinh ngày 20/6/2018 và Phan Gia P, sinh ngày 17/8/2020. Khi ly hôn anh V có ý kiến là yêu cầu trực tiếp nuôi 01 người con tên An, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý để 02 con chung tên K và P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con chung. Còn chị N cũng có yêu cầu trực tiếp nuôi 03 người con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con chung.

Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị N là người trực tiếp nuôi 03 con chung của anh chị đã ổn định. Tuy nhiên theo chị N trình bày là chị hiện nay cũng đi làm thường xuyên gởi con cho cha mẹ chị chăm sóc. Mặt khác con chung anh chị tên Phan Thúy A nay đã đến tuổi phải đi học, nhưng do bệnh dịch và gia đình đơn chiếc nên chị N chưa cho con đi học được mà còn gởi con cho mẹ chị chăm sóc là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em là đến tuổi đi học phải được đến trường. Mặt khác anh V khai là nhà anh gần trường học anh đang kinh doanh tại nhà nên có điều kiện để bảo đảm cuộc sống bình thường của con anh. Nhằm chia sẻ trong việc nuôi dưỡng giáo dục các con chung của anh chị được tốt hơn, cũng như đảm bảo đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của các con anh chị. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh V là giao con chung của anh chị tên Phan Thúy A cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V nuôi. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh V và chị N giao 02 con chung của anh chị tên Phan Tuấn K và Phan Gia P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh V là cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con chung là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

- Về tài sản chung; nợ chung: Anh V và chị N khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có P sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh V là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh Phan Văn V và chị Phạm Thị Huỳnh N.

2. Về con chung:

- Giao con chung của anh chị tên: Phan Thúy A, sinh ngày 31/3/2017. Cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung của anh chị tên Phan Tuấn K, sinh ngày 20/6/2018 và Phan Gia P, sinh ngày 17/8/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N và anh V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn đối với con mà anh chị không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.

Buộc anh V cấp dưỡng nuôi con do chị N trực tiếp nuôi dưỡng tên Phan Tuấn K, sinh ngày 20/6/2018 và Phan Gia P, sinh ngày 17/8/2020. Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/1 con chung. Thời gian cấp dưỡng là từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi hai con chung của anh chị đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000908, ngày 15/11/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh V và chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B, huyện Cái Bè;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG